



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 11 THÁNG 11/2022 VOLUME: NOVEMBER 2022

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:

research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ			
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
Lãi suất Mỹ tăng ảnh hưởng như thế nào đến các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển? Còn tùy thuộc	Khám phá tiềm năng thương mại dịch vụ số ở Châu Á và Thái Bình Dương	Đại dịch, tiền mặt và hành vi thanh toán bán lẻ: phân tích sâu về tương lai của cơ sở dữ liệu thanh toán	Phân tích các khoản đầu tư vào CNTT của các ngân hàng: Động lực và tác động
Nghiên cứu này kiểm định tác động của các loại cú sốc lãi suất khác nhau ở Mỹ đối với các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDEs). Chi tiết	Cuốn sách này giải thích việc số hóa nhanh chóng trong giai đoạn Covid-19 đã đẩy nhanh tăng trưởng thương mại dịch vụ số ở Châu Á và Thái Bình Dương và đưa ra những phân tích về các cơ hội, thách thức và rủi ro liên quan. Chi tiết	Đại dịch Covid-19 tạo cú sốc, làm thay đổi hành vi thanh toán bán lẻ. Những thay đổi này khác nhau như thế nào giữa các quốc gia? Chúng có ý nghĩa gì đối với tương lai của tiền mặt và thanh toán số? Chi tiết	Bài nghiên cứu dựa trên dữ liệu quản lý hành chính để nghiên cứu các yếu tố quyết định và tác động của các khoản đầu tư vào Công nghệ thông tin (CNTT) ở các ngân hàng Mỹ, vốn đã tăng sáu lần trong hai thập kỷ. Chi tiết
Chính sách giao dịch xanh mới của Hàn Quốc: Đổi mới chính sách để chuyển đổi bền vững	Định hình cuộc cách mạng Tiền tệ kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương (CBDC)		
Bài nghiên cứu này khám phá chính sách “Thỏa thuận mới xanh” được công bố gần đây của Hàn Quốc như một chiến lược chuyển đổi bền vững. Chi tiết	Khi sự hợp tác toàn cầu để phát triển và phát hành CBDC ngày càng rõ ràng, sự đổi mới mang tính cách mạng đã đưa ra một lĩnh vực nghiên cứu đang được quan tâm. Chi tiết		

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

TÀI CHÍNH BỀN VỮNG Ở CÁC THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI: SỰ PHÁT TRIỂN, THÁCH THỨC VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Tài chính bền vững bao gồm việc kết hợp các nguyên tắc môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào các quyết định kinh doanh, phát triển kinh tế và chiến lược đầu tư. Nghiên cứu đã ghi nhận làm thế nào tài chính bền vững có thể tạo ra ngoại ứng hàng hóa công cộng (Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm 2017; Schoenmaker 2017; Liên hợp quốc 2016) trong đó các hành động đối với một loạt các vấn đề tạo ra tác động tích cực đến xã hội. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
ĐTNH-CS.001/21	GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK . (Chi tiết)	ThS. Lê Thị Lệ Thủy, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Lắk

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
HỘI THẢO KHOA HỌC “HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ NHẪM ĐẢM BẢO AN TOÀN TẠI CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN”. (Chi tiết)	SỰ GIÀU VÀ NGHÈO CỦA CÁC DÂN TỘC. (Chi tiết)
TỌA ĐÀM “PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG MUA BÁN NỢ XẤU TẠI VIỆT NAM”. (Chi tiết)	TIỀN ĐÁU VỚI VÀNG - ĐỒNG ĐÔ-LA, TIÊU CHUẨN VÀNG, CHỨNG KHOÁN HÓA VÀ CÂU CHUYỆN KÌ LẠ VỀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH THẾ GIỚI. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Lãi suất Mỹ tăng ảnh hưởng như thế nào đến các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển? Còn tùy thuộc (How Do Rising U.S. Interest Rates Affect Emerging and Developing Economies? It Depends).**

Nguồn: World Bank Group

Tác giả: Carlos Arteta, Steven Kamin, Franz Ulrich Ruch

Chủ đề nghiên cứu: Điều kiện tài chính các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển

Ngày xuất bản: 08/12/2020

Nghiên cứu này kiểm định tác động của các loại cú sốc lãi suất khác nhau ở Mỹ đối với các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDEs). Đầu tiên, bài nghiên cứu phân loại những thay đổi về lãi suất của Mỹ gây ra bởi các kỳ vọng lạm phát (các cú sốc lạm phát), những thay đổi về cảm nhận chức năng phản ứng của Cục dự trữ liên bang (các cú sốc phản ứng), và những thay đổi trong hoạt động thực tiễn (các cú sốc thực). Các phân tích giải thích việc tăng mạnh mức lãi suất ở Mỹ trong năm nay gần như ngoại lệ đối với các cú sốc lạm phát và sốc phản ứng. Các loại cú sốc này có liên quan với các hiệu ứng ngược chiều: điều kiện tài chính EMDE bị thắt chặt, tiêu dùng và đầu tư giảm, và các chính phủ cắt giảm chi tiêu để đảm bảo cân đối ngân sách. Lãi suất của Mỹ tăng xuất phát từ các cú sốc thực không chỉ liên quan với các kết quả tích cực đối với các điều kiện tài chính của EMDE mà còn liên quan đến việc cải thiện cân đối ngân sách mà phản ánh thu nhập cao hơn cũng như chi tiêu thấp hơn. Cuối cùng, nghiên cứu này cũng chứng minh rằng lãi suất của Mỹ đang tăng lên do tác động của các cú sốc phản ứng mà có khả năng đẩy các EMDEs vào khủng hoảng tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Khám phá tiềm năng thương mại dịch vụ số ở Châu Á và Thái Bình Dương (Unlocking the Potential of Digital Services Trade in Asia and the Pacific).

Nguồn: ADB – Ngân hàng Phát triển Châu Á

Tác giả: Kang, Jong Woo Helble, Matthias Avendano, Rolando Crivelli, Pramila Tayag, Mara Claire

Chủ đề nghiên cứu: Thương mại dịch vụ số, Đại dịch Covid-19, Châu Á và Thái Bình Dương, Xây dựng chính sách

Ngày xuất bản: 11/2022

Cuốn sách này giải thích việc số hóa nhanh chóng trong giai đoạn Covid-19 đã đẩy nhanh tăng trưởng thương mại dịch vụ số ở Châu Á và Thái Bình Dương và đưa ra những phân tích về các cơ hội, thách thức và rủi ro liên quan.

Cuốn sách nghiên cứu các xu hướng đang phát triển và xem xét các thỏa thuận thương mại, an ninh mạng và thuế có hiệu lực. Nó chỉ ra cách mà sự tập trung lớn hơn vào phát triển vốn con người, kết nối, đầu tư vào công nghệ thông tin và truyền thông, và môi trường quy định tích cực có thể giúp các dịch vụ số phát triển. Bằng cách nhấn mạnh các động lực và chính sách chính, cuốn sách hướng đến việc xây dựng sự hiểu biết tốt hơn về các dịch vụ số để hướng dẫn các nhà lập chính sách khi họ thực hiện cải cách trong nước được thiết kế để giảm sự phân hóa số.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Đại dịch, tiền mặt và hành vi thanh toán bán lẻ: phân tích sâu về tương lai của cơ sở dữ liệu thanh toán (The pandemic, cash and retail payment behaviour: insights from the future of payments database).

Nguồn: BIS

Tác giả: Raphael Auer, Giulio Cornelli và Jon Frost

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng

Ngày xuất bản: 6/12/2022

Đại dịch Covid-19 tạo cú sốc, làm thay đổi hành vi thanh toán bán lẻ. Những thay đổi này khác nhau như thế nào giữa các quốc gia? Chúng có ý nghĩa gì đối với tương lai của tiền mặt và thanh toán số? Bài nghiên cứu tập hợp cơ sở dữ liệu "Tương lai của thanh toán" mới về hành vi thanh toán bán lẻ cho 95 quốc gia từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 6 năm 2022. Bài nghiên cứu so sánh cơ sở dữ liệu này với các biện pháp đo lường mức độ nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, sử dụng thông tin về các thời điểm quan trọng của các ca nhiễm bệnh, những thay đổi về khả năng di chuyển và biện pháp phong tỏa giữa các quốc gia. Kết quả cho thấy các khoản thanh toán không dùng thẻ, lượt tải xuống ứng dụng thanh toán và lượng tiền mặt lưu thông đều tăng trong nhiều tuần bị phong tỏa nghiêm ngặt hơn. Những thay đổi ít rõ rệt hơn ở các quốc gia có mức sử dụng điện thoại di động cao hơn. Tuy nhiên, dữ liệu gần đây cho thấy rằng một số tác động đã đảo ngược sau khi các quốc gia nới lỏng phong tỏa và phục hồi đi lại.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Phân tích các khoản đầu tư vào CNTT của các ngân hàng: Động lực và tác động (The Anatomy of Banks' IT Investments: Drivers and Implications).

Nguồn: IMF

Tác giả: Kosha Modi, Nicola Pierri, Yannick Timmer, và Maria Soledad Martinez Peria

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng

Ngày xuất bản: 9/12/2022

Bài nghiên cứu dựa trên dữ liệu quản lý hành chính để nghiên cứu các yếu tố quyết định và tác động của các khoản đầu tư vào Công nghệ thông tin (CNTT) ở các ngân hàng Mỹ, vốn đã tăng sáu lần trong hai thập kỷ. Các ngân hàng lớn và

nhỏ có chi phí CNTT tương tự nhau cách đây một thập kỷ. Kể từ đó, các ngân hàng lớn đã tăng mạnh chi tiêu (cho CNTT), đặc biệt là những ngân hàng phải đối mặt với cạnh tranh nhiều hơn từ các công ty fintech. Các yếu tố cấp địa phương và cấp ngân hàng khác, chẳng hạn như nguồn thu nhập của quốc gia và ngân hàng, cũng góp phần giải thích sự không đồng nhất trong đầu tư CNTT. Việc phân tích thị trường cho vay thể chấp cho thấy hành vi cho vay của công ty fintech giống với hoạt động của các trung gian tài chính phi ngân hàng hơn là các ngân hàng am hiểu CNTT, cho thấy rằng các yếu tố khác ngoài công nghệ là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa ngân hàng và những tổ chức cho vay khác. Tuy nhiên, cả ngân hàng hiểu biết về CNTT và công ty fintech đều cho vay những người vay có thu nhập thấp, hướng tới lợi ích đến tài chính toàn diện từ việc áp dụng CNTT nhiều hơn. Các khoản đầu tư CNTT của ngân hàng cũng được chứng minh là quan trọng trong việc hưởng ứng (yêu cầu) cho vay của chính sách tiền tệ.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Chính sách giao dịch xanh mới của Hàn Quốc: Đổi mới chính sách để chuyển đổi bền vững (Green New Deal Policy of South Korea: Policy Innovation for a Sustainability Transition).

Nguồn: MDPI

Tác giả: Jae-Hyup Lee và Jisuk Woo

Chủ đề nghiên cứu: Kinh tế vĩ mô

Ngày xuất bản: 30/10/2020

Bài nghiên cứu này khám phá chính sách “Thỏa thuận mới xanh” được công bố gần đây của Hàn Quốc như một chiến lược chuyển đổi bền vững. Được đề xuất lúc đầu như một kế hoạch kích thích (kinh tế) hậu COVID-19, Thỏa thuận mới xanh là một chiến lược tập trung vào tính bền vững để xây dựng một nền

kinh tế carbon thấp và trung lập với khí hậu. Thỏa thuận mới xanh đặt ra tám mục tiêu cần hoàn thành trong ba lĩnh vực chiến lược: phát triển đô thị xanh, năng lượng phi tập trung carbon thấp và công nghiệp xanh đổi mới. Thỏa thuận cũng thực hiện các biện pháp để bảo vệ người dân và các lĩnh vực có nguy cơ bị bỏ lại phía sau cao hơn trong quá trình chuyển đổi kinh tế. Đây là phiên bản nâng cấp của chính sách quốc gia “Tăng trưởng xanh”, chú trọng hơn vào tính bền vững bên cạnh khía cạnh tăng trưởng. Bài nghiên cứu này xem xét những thành tựu và thách thức trong kỷ nguyên chính sách Tăng trưởng Xanh và thảo luận tại sao việc chuyển đổi sang Thỏa thuận mới xanh là cần thiết cho quá trình chuyển đổi bền vững.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Định hình cuộc cách mạng Tiền tệ kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương (CBDC) (Framing the Central Bank Digital Currency (CBDC) revolution).

Nguồn: DIVA

Tác giả: Selcen Ozturkcan, Mesut Ozdinc và Kerem Sene

Chủ đề nghiên cứu: Ngân hàng – tiền tệ

Ngày xuất bản: 02/07/2022

Khi sự hợp tác toàn cầu để phát triển và phát hành CBDC ngày càng rõ ràng, sự đổi mới mang tính cách mạng đã đưa ra một lĩnh vực nghiên cứu đang được quan tâm. Bài nghiên cứu này nhằm mục đích cung cấp một khuôn khổ của CBDC bằng cách nhấn mạnh sự khác biệt của nó so với các loại tiền kỹ thuật số và tiền mặt hiện có khác, bao gồm ưu điểm và nhược điểm. Triển vọng của CBDC, trong hiện tại và tương lai, được trình bày cụ thể. Ngoài ra, việc tìm hiểu các chủ đề phổ biến trong phân tích theo chiều rộng của các dòng tweet được đăng từ ngày 17-25/3/2021 với các mục bắt đầu bằng #CBDC được trình bày để bổ sung cho cuộc thảo luận về bối cảnh mới nhằm cung cấp thông tin cho chính sách – và

những người ra quyết định về các cơ hội và những thách thức liên quan.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

Tài chính bền vững ở các thị trường mới nổi: Sự phát triển, thách thức và chính sách ưu tiên

Tài chính bền vững và ổn định tài chính

Tài chính bền vững bao gồm việc kết hợp các nguyên tắc môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào các quyết định kinh doanh, phát triển kinh tế và chiến lược đầu tư. Nghiên cứu đã ghi nhận làm thế nào tài chính bền vững có thể tạo ra ngoại ứng hàng hóa công cộng (Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm 2017; Schoenmaker 2017; Liên hợp quốc 2016) trong đó các hành động đối với một loạt các vấn đề tạo ra tác động tích cực đến xã hội.

Việc xem xét tính bền vững tác động đến sự ổn định tài chính thông qua nhiều kênh (IMF 2019, 2020 và 2021): (1) Rủi ro môi trường có thể dẫn đến tổn thất lớn cho doanh nghiệp và biến đổi khí hậu có thể gây tổn thất cho các tổ chức tài chính, chủ sở hữu tài sản và doanh nghiệp (IMF, 2020). Garani và cộng sự đã chỉ ra rằng, trong khi rủi ro khí hậu có vẻ chưa rõ ràng, tổn thất trong trường hợp thiên tai có thể dẫn đến phá sản doanh nghiệp; (2) Thất bại trong quản trị tại các ngân hàng và tập đoàn đã góp phần đáng kể vào các cuộc khủng hoảng tài chính trong quá khứ, thể hiện rõ trong Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. López, Garcia và Rodriguez (2007) đã chỉ ra trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến biến động giá của cổ phiếu; và (3) Rủi ro xã hội dưới hình thức bất bình đẳng có thể góp phần gây ra bất ổn tài chính bằng cách gây ra phản ứng chính trị về các tiêu chuẩn tín dụng dễ dàng hơn để hỗ trợ tiêu dùng trong khi thu nhập của nhóm thu nhập trung bình và thu nhập thấp vẫn giữ nguyên (Rajan, 2010).

Thị trường tài chính bền vững có thể giúp thúc đẩy những thay đổi tích cực để giải quyết các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị. Ví dụ: các tổ chức phát hành trái phiếu xanh, khoản vay xanh và khoản vay liên kết với tính bền vững có

xu hướng giảm cường độ phát thải theo thời gian với tốc độ nhanh hơn so với các công ty khác (Schmittmann và Han Teng, 2021). Khẩu vị của nhà đầu tư đối với tài chính ESG là chìa khóa cho quá trình chuyển đổi xã hội và môi trường với giá cả phải chăng, vốn vẫn chưa đạt đến mức tối ưu. Họ giải thích điều này thông qua quan điểm của nhà đầu tư tổ chức và đề xuất nhu cầu vượt ra ngoài các khuôn khổ quản trị hiện tại, vốn không phù hợp với các vấn đề về tính bền vững mà các nhà đầu tư tổ chức phải đối mặt. Elmalt, Igan và Kirti (2021) nhận thấy mối liên hệ yếu giữa điểm số ESG và lượng phát thải của các công ty phát thải lớn, chủ yếu là do thiếu tính nhất quán trong báo cáo và do đó cho thấy việc đầu tư vào ESG đang bị tẩy chay trên diện rộng.

Trong lĩnh vực tài chính bền vững, tài chính khí hậu có tầm quan trọng đặc biệt (IMF, 2021). Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) đã tiến hành một cuộc khảo sát các thành viên ủy ban Basel vào năm 2020 về các sáng kiến rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu. Các câu trả lời chỉ ra rằng, mặc dù các thành viên thừa nhận biến đổi khí hậu là rủi ro hệ thống đối với sự ổn định tài chính và coi các biện pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu là một phần mong muốn trong khuôn khổ giám sát hoặc quy định của họ, tuy nhiên các biện pháp này vẫn là hướng dẫn khi các thành viên tránh xa việc kết hợp nó vào khuôn khổ vốn thận trọng. Mạng lưới Xanh hóa Hệ thống Tài chính (NGFS), một nhóm các ngân hàng trung ương và cơ quan giám sát tài chính, đã bày tỏ lo ngại rằng rủi ro tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu không được phản ánh đầy đủ trong định giá tài sản và đã kêu gọi tích hợp những rủi ro này vào giám sát ổn định tài chính (NGFS 2019).

Xu hướng đầu tư chuyển đổi năng lượng và các cam kết giảm phát thải đầy tham vọng giữa các chính phủ và khu vực tư nhân cho thấy rằng có một động lực chưa từng có đằng sau quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp. Những vấn đề này đặc biệt liên quan đến các thị trường mới nổi (EM), nơi mà vài năm qua vẫn đóng một vai trò khiêm tốn trong thị trường tài chính bền vững toàn cầu (sẽ

được thảo luận kỹ trong phần tiếp theo). Một số thị trường mới nổi đã nắm bắt cơ hội này, nhưng rủi ro khi thấy các nền kinh tế có thu nhập thấp bị tụt lại phía sau cũng đang gia tăng. Hầu hết các nền kinh tế mới nổi không có dư địa ngân sách để triển khai loại hỗ trợ tài chính mà các nền kinh tế tiên tiến có thể cung cấp - như đã được chứng minh trong giai đoạn COVID. Điều này cho thấy khu vực tư nhân cần đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính bền vững, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo ra các thị trường tài chính bền vững có tính thanh khoản sâu và có độ sâu ở các thị trường mới nổi.

Các nghiên cứu cho đến nay đã xác định một số vấn đề liên quan đến quá trình chuyển đổi khí hậu ở các nước phát triển, bao gồm từ việc thiếu tài chính cho khí hậu, chi phí chuyển đổi (Bachner et al., 20196) và các chính sách. Trong một báo cáo kỹ thuật vào tháng 10 năm 2021, OECD ước tính các nền kinh tế phát triển cần huy động tài chính khí hậu cho các nền kinh tế mới nổi theo các kịch bản khác nhau đến năm 2025. Trong khi hầu hết các nhà nghiên cứu và những người tham gia thị trường nhất trí rằng các nước phát triển đã chịu trách nhiệm huy động vốn để hỗ trợ cho việc truyền tải carbon thấp ở các nước mới nổi, vẫn có một số phân tích về thị trường tài chính bền vững ở các nước mới nổi. Trong bài nghiên cứu của mình về thị trường trái phiếu xanh của các nước đang phát triển, Josue Banga xem xét vai trò của trái phiếu xanh, lưu ý rằng khẩu vị của nhà đầu tư ngày càng tăng đối với trái phiếu xanh do nhận thức về khí hậu ngày càng tăng. Hơn nữa, Jakob và cộng sự ước tính về sự chuyển giao cần thiết của các nước phát triển cho các nước đang phát triển theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Thị trường tài chính bền vững của thị trường mới nổi đã phát triển ấn tượng trong vài năm qua và ngày càng trở nên phức tạp. Bài nghiên cứu này đưa ra cái nhìn rộng hơn về thị trường tài chính bền vững của thị trường mới nổi và phân tích sự phát triển của nó trên nhiều khía cạnh.

Trong Phần 2, chúng tôi thảo luận về tầm quan trọng và động lực của tài chính bền vững cho các thị trường mới nổi. Trong Phần 3, chúng tôi thảo luận về sự tăng trưởng và phát triển của thị trường tài chính bền vững dành cho các thị trường mới nổi, tập trung vào xu hướng chung cũng như sự khác biệt trên các khía cạnh khác nhau. Phần 4 phân tích thị trường trái phiếu xanh ở các thị trường mới nổi như một nghiên cứu điển hình để làm nổi bật sự phong phú và đa dạng của thị trường ESG tại các thị trường mới nổi. Phần 5 thảo luận về sự khác biệt giữa thị trường tài chính bền vững ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế tiên tiến. Phần 6 thảo luận về một số lĩnh vực phát triển của thị trường ESG tại các thị trường mới nổi và Phần 7 đưa ra kết luận và một số khuyến nghị chính sách.

Động lực của Tài chính bền vững ở các thị trường mới nổi

Thâm hụt cơ cấu tài trợ và tiến triển về tính bền vững

Sự căng thẳng trong việc thích ứng với nền kinh tế trung hòa carbon, đồng thời phải kiềm chế giá năng lượng, duy trì tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, đang tạo thành thách thức cơ bản đối với các quốc gia trên thế giới. Tại các thị trường mới nổi, vấn đề này còn trở nên nghiêm trọng và cấp bách hơn vì các nước đang phát triển thường tụt hậu về giáo dục, có thị trường vốn phát triển thấp hơn và lực lượng lao động cũng kém linh hoạt hơn (so với các nước phát triển). Mặc dù cũng có một vài trường hợp ngoại lệ đáng chú ý (chẳng hạn như một số lĩnh vực công nghệ đang phát triển nhanh ở châu Á), phần lớn hoạt động của các thị trường mới nổi vẫn liên quan đến sản xuất nhiên liệu hóa thạch hoặc dựa vào các ngành sử dụng nhiều nước và carbon như khai thác mỏ, nông nghiệp và công nghiệp nặng. Các nước đang phát triển cũng phụ thuộc nhiều hơn vào năng lượng giá rẻ, thường được trợ giá cho người sản xuất và người tiêu dùng. Nhiều nền kinh tế đang phát triển có điểm xuất phát chung (thu nhập bình quân đầu người rất thấp, dân số trẻ và tăng nhanh, cơ sở hạ tầng cũ kỹ), thường bị đánh giá là chấp nhận sự đánh đổi giữa tăng trưởng và ổn định ngắn hạn với bảo vệ môi trường trong dài hạn. Đó là

một sự cân bằng rất khó đạt được, hơn nữa tác động tiêu cực của đại dịch COVID đối với các nền kinh tế mới nổi đã làm trầm trọng thêm những áp lực này.

Mô hình kinh tế phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch giá rẻ hiện mang lại rủi ro rất lớn trong bối cảnh thế giới đang trải qua quá trình chuyển đổi năng lượng cơ bản, mà theo ước tính của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), quá trình chuyển đổi này có thể tiêu tốn gần 4 nghìn tỷ USD mỗi năm cho đến năm 2050. Một phân tích gần đây của Carbon Tracker dự tính, theo giả định carbon thấp của IEA (giá dầu trung bình 40 USD/bl), 40 nước phụ thuộc nhiều nhất vào xuất khẩu hydrocarbon sẽ mất 9 nghìn tỷ USD doanh thu vào năm 2040, với 95% là các nước mới nổi. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc đầu tư vào các sáng kiến kinh tế mới và đối phó với rủi ro chuyển đổi tại các thị trường mới nổi. Điều này cũng cho thấy rằng mô hình tăng trưởng của các thị trường mới nổi cũng chịu tác động đáng kể bởi công nghệ 'nâu' ngay từ đầu - do đó đây là phạm vi tiềm năng để thực hiện các cải tiến. IEA đã xác định sự phụ thuộc nặng nề của các thị trường mới nổi vào nguồn tài chính công cho các dự án có quy mô lớn và kêu gọi các sáng kiến chính sách để thu hút đầu tư tư nhân nhiều hơn - đây sẽ là công cụ để thực hiện quá trình chuyển đổi năng lượng nói trên.

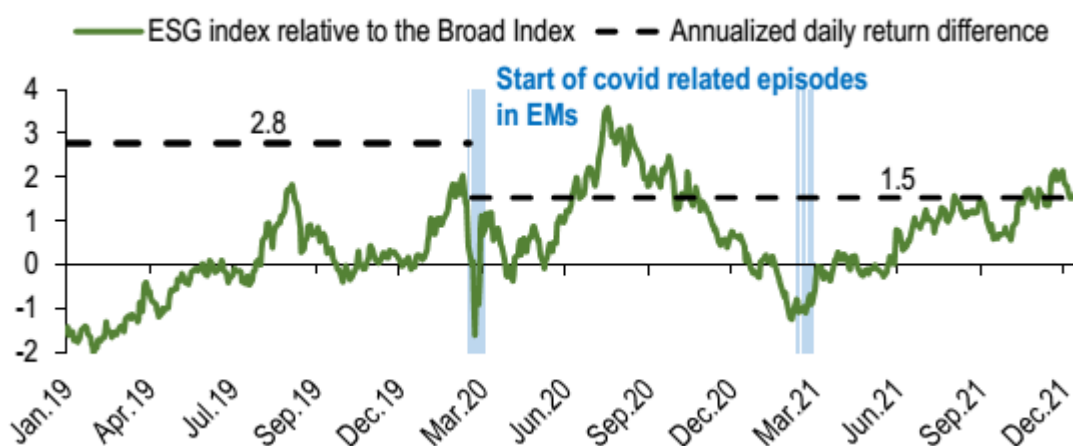
Các nhà bình luận cũng nhận ra sự cần thiết phải định hướng lại thị trường tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững toàn cầu và mang lại sự tăng trưởng lâu dài. Liên Hợp Quốc dự tính đến năm 2050 sẽ có 2,5 tỷ người di cư từ nông thôn ra thành thị, trong đó gần 90% số người này sẽ di cư đến các thị trường đang phát triển và mới nổi.

Bên cạnh sự chậm trễ trong tiến trình phát triển bền vững, các thị trường mới nổi còn bị thâm hụt cơ cấu tài trợ. Phát triển thị trường huy động vốn bằng nội tệ là mục tiêu phát triển lâu dài. Thực tế hoạt động tài trợ đang cho thấy sự tương phản rõ ràng giữa chi phí ước tính trong hoạt động tài trợ cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đến năm 2030 và các nguồn tài chính hiện có. Hội nghị Liên

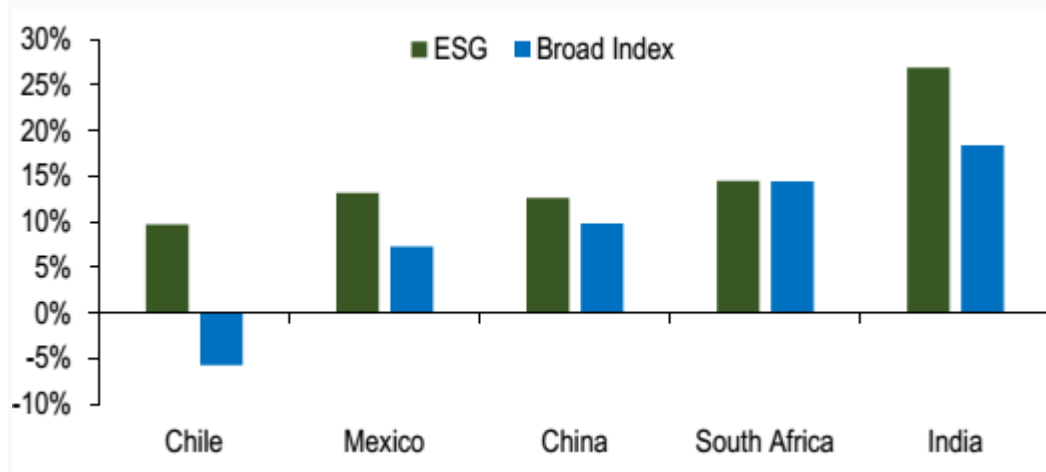
Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) cho biết để đạt được các SDGs cần từ 5 đến 7 nghìn tỷ USD mỗi năm và lượng vốn đầu tư còn thiếu để đáp ứng cho nhu cầu này tại các nước đang phát triển là 2,5 nghìn tỷ USD.

Tác động tích cực của Chỉ số ESG có thể làm tăng thêm động lực của tài chính bền vững

Sự lạc quan của nhà đầu tư về phân khúc tài chính bền vững được phản ánh trong các tác động tích cực có tính ổn định của tài sản ESG so với các chỉ số khác của các nhóm tài sản. Điều này có thể phản ánh thực tế rằng các đợt phát hành có yếu tố ESG trước đây do các tổ chức phát hành có chất lượng tín dụng cao thống lĩnh hoặc thành phần có tính ngành nghề của các chỉ số ESG này do lĩnh vực công nghệ chi phối. Về trái phiếu: Kể từ năm 2019, hơn một nửa số trái phiếu ESG của EM đã được phát hành, lợi nhuận trung bình hàng năm của phân khúc trái phiếu ESG cao hơn 2,1 điểm phần trăm so với các trái phiếu nói chung. Kể từ đại dịch COVID-19, mức chênh lệch này đã giảm xuống còn 1,5 điểm phần trăm (Hình 1). Về cổ phiếu: Đối với các EM chủ chốt, lợi nhuận trung bình hàng năm cho các chỉ số phụ ESG kể từ tháng 1 năm 2020 là 17%, cao hơn gần 7 điểm phần trăm so với các chỉ số chung. Trong khi, chênh lệch lợi nhuận trung bình kể từ tháng 1 năm 2020 vẫn ở mức khá cao 5,2 điểm phần trăm tại các thị trường mới nổi quy mô lớn, như Trung Quốc, Ấn Độ, Mexico và Nam Phi (Hình 2).



Hình 1: Lãi trái phiếu: So sánh lãi trái phiếu ESG tại các thị trường mới nổi so với trái phiếu thông thường (Chỉ số = 100 tại thời điểm 1/2020; tỷ lệ %)



Hình 2: Diễn biến giá cổ phiếu:

Nguồn: Bloomberg và tính toán của tác giả.

Những **trở ngại** đối với phát triển tài chính bền vững tại các thị trường mới nổi

Tài chính bền vững rất hữu ích cho các thị trường mới nổi xét trên nhiều khía cạnh, tuy vậy cũng có những trở ngại đối với sự phát triển nhanh chóng của thị trường tài chính bền vững ở các thị trường này.

- Do nhiều thị trường mới nổi phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên nên các mục tiêu chuyển đổi mâu thuẫn trực tiếp với các mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn. Các dự án xanh như năng lượng tái tạo đòi hỏi cần có chi phí trả trước lớn hơn và chi phí vốn ở các thị trường mới nổi thường cao hơn nhiều so với ở các nền kinh tế phát triển (Steffen, 2020)
- Các nhà quản lý danh mục đầu tư luôn tập trung vào 'Quản trị' như một phần cốt lõi trong quy trình đầu tư của họ: các yếu tố như tham nhũng, tính minh bạch và các quy định của pháp luật là một phần giản đơn của quy trình đánh giá rủi ro tín dụng thông thường (Qian, 2012). Các cuộc khảo sát cho thấy rằng “yếu tố môi trường” và “xã hội” chưa được quy định rõ ràng và còn rất xa vời (Amacker và Donovan, 2021; JP Morgan). Tuy vậy, trong hai thập kỷ qua, sự cải thiện về điểm

số ESG đã được thúc đẩy bởi những cải tiến trong hoạt động quản trị (cùng với sự tiên bộ xã hội), trong khi có rất ít sự cải thiện đối với yếu tố môi trường (Renaissance Capital, 2018). Góc độ xã hội thậm chí còn thể hiện rõ nét trong cuộc chiến tranh Nga-Ukraine.

- Các tổ chức xếp hạng có các tiêu chí đánh giá khác nhau, dẫn đến việc so sánh không đồng bộ và nhất quán giữa những người quản lý tài sản. Điều này được thể hiện rõ hơn ở yếu tố môi trường (Gratcheva và cộng sự, 2021). Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các khuôn khổ ESG bị ảnh hưởng bởi “định kiến về thu nhập” vốn có lợi hơn đối với các nước phát triển với mức thu nhập cao hơn. Do đó, việc cho điểm số ESG thường nghiêng về các vấn đề hiện tại và hạn chế các quốc gia vốn đang bị cho điểm yếu kém (Gratcheva và cộng sự, 2021b)
- Thiếu khuôn khổ pháp lý rõ ràng cũng là trở ngại trong việc phát hành các khoản nợ bền vững. Tại một số thị trường mới nổi chính phủ chưa ban hành được một khuôn khổ đầy đủ để có thể đảm bảo tiến độ của Đóng góp của quốc gia (NDC) theo Thỏa thuận Paris, điều này có thể ảnh hưởng đến việc tham gia vào thị trường trái phiếu xanh (Urban Institute, 2021).

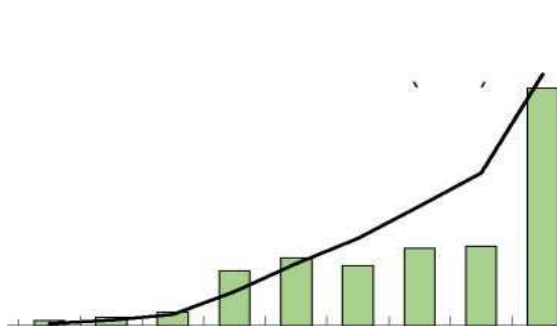
Tăng trưởng của các thị trường tài chính liên quan đến ESG tại các thị trường mới nổi

Gia tăng độ sâu của thị trường: Tổng các dòng vốn cũng như mở rộng giữa các khu vực

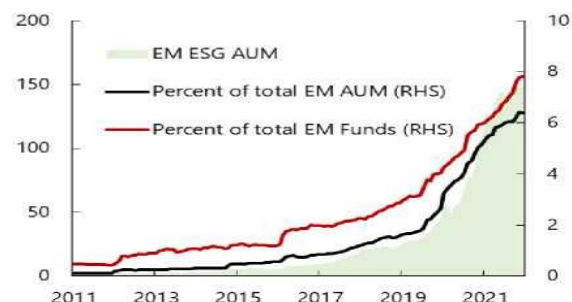
Năm 2021 trở thành một năm đột phá của thị trường tài chính bền vững tại các thị trường mới nổi. Các thị trường mới nổi cho thấy một sự phục hồi mạnh các dòng vốn ESG, dựa trên khối lượng phát hành trái phiếu tăng mạnh và các dòng vốn mạnh bền vững đầu tư vào cổ phần. Tổng dòng vốn vào trái phiếu liên quan đến ESG đạt gần 200 tỷ USD vào năm 2021 so với 66 tỷ USD vào năm 2020 (Hình 3). Con số này chiếm ~40% tổng lượng phát hành lũy kế ~500 tỷ USD kể từ năm 2015. Việc tăng nhanh chóng trong năm 2021 là kết quả của các chiến

lược tài chính bền vững trở thành vấn đề chủ đạo ở EMs, được thúc đẩy phần nào bởi nhu cầu do đại dịch COVID gây ra, cũng như được phản ánh trong việc sử dụng các chiến lược vay mượn xanh trong LATAM. Tỷ lệ thị trường mới nổi trong phát hành ESG toàn cầu đã giảm từ 31,6% năm 2016 xuống 8,7% năm 2020, phản ánh một sự dẫn dắt sớm bởi các nền kinh tế phát triển khi (thị trường mới nổi) triển khai các chiến lược ESG. Tuy nhiên, với việc phát hành trái phiếu tại thị trường mới nổi tăng 200% năm 2021, tỷ trọng của thị trường mới nổi trong phát hành trái phiếu toàn cầu đã tăng tới 12,8% năm 2021 với điều này là năm đầu tiên thị trường mới nổi đã giành được thị phần từ thị trường phát triển kể từ năm 2016. Các dòng vốn cổ phần ESG, ở mức 25 tỷ USD, đã vượt nhẹ kỷ lục các dòng vốn năm 2020. Điều này dẫn đến tổng tài sản (do thị trường mới nổi) quản lý tăng tới gần 150 tỷ USD (Hình 4). Các dòng vốn lũy kế ~50 tỷ USD trong 2 năm qua so với mức 20 tỷ USD trong 6 năm qua. Sự gia tăng này cũng được phản ánh trong việc tăng mạnh tỷ lệ tài sản ESG được quản lý của thị trường mới nổi và số lượng các quỹ lần lượt tăng thêm 1,2 điểm phần trăm và 1,9 điểm phần trăm, lên mức 6,4% và 7,8%.

Hình 3. Phát hành trái phiếu EM ESG

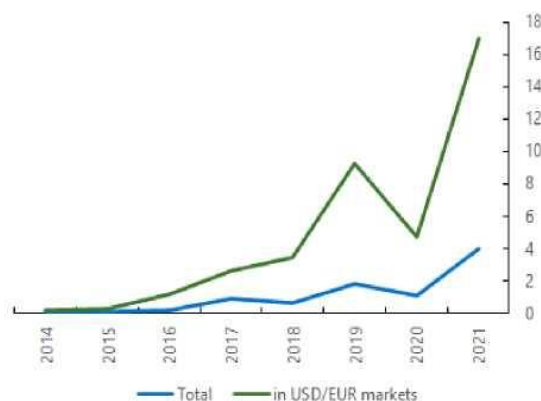


Hình 4. Các nguồn vốn cổ phần EM ESG



Mức tăng mạnh liên quan các công cụ ESG cũng được phản ánh qua thay đổi cấu phần tài chính đối với thị trường mới nổi. Các công cụ ESG (đối với EMs ngoại trừ Trung Quốc) chiếm gần 4% tổng số phát hành trong 2021, so với khoảng 1 phần trăm trong năm năm qua (Hình 5). Mức thay đổi này thậm chí kém hơn ở các thị trường bên ngoài với các công cụ ESG chiếm một mức đáng kể 17% tổng phát hành trong 2021. Con số này so với chỉ 4% của 5 năm qua.

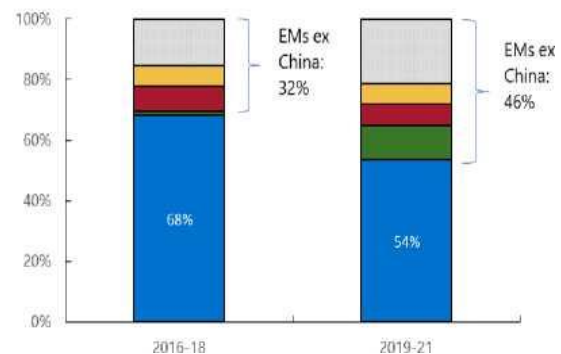
Hình 5. Phát hành ESG như một phần của tổng phát hành



Hình 6. Phát hành nợ ESG hàng năm

EMs, by region

(USD Billion, percent)

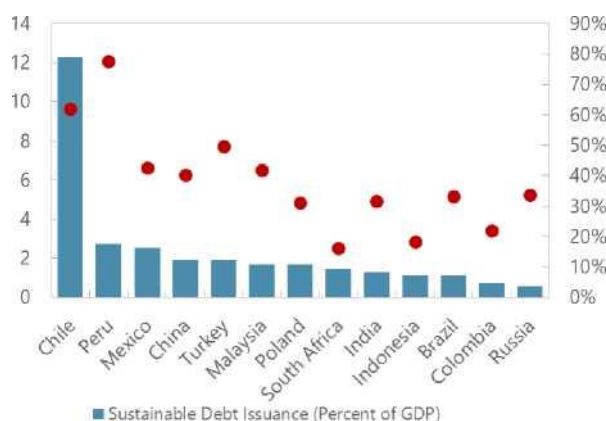


Trung Quốc vẫn là át chủ bài trong hệ thống ESG, nhưng các thị trường mới nổi khác đang gia tăng nhanh chóng (Hình 6). Với gần 110 tỷ USD phát hành liên quan đến ESG trong năm 2021, Trung Quốc được xếp vào nhóm các tổ chức phát hành hàng đầu tại thị trường phát triển như Mỹ, Pháp và Đức và trở thành tổ chức phát hành các khoản nợ liên quan đến ESG lớn thứ ba. Hơn nữa, vì việc phát hành các khoản nợ liên quan đến ESG của Trung Quốc chủ yếu là trái phiếu xanh, nước này hiện cũng là tổ chức phát hành lớn thứ hai toàn cầu trong mảng này – với lượng trái phiếu xanh cộng dồn gần ~2% GDP. Đồng thời, việc phát hành ESG tại thị trường mới nổi trừ Trung Quốc tăng lên 90 tỷ USD trong năm 2021 (so với bình quân 25 tỷ USD của năm năm qua), tăng tỷ lệ trong tổng phát hành tại thị trường mới nổi lên 45% trong năm 2021 so với mức ~30% của giai đoạn

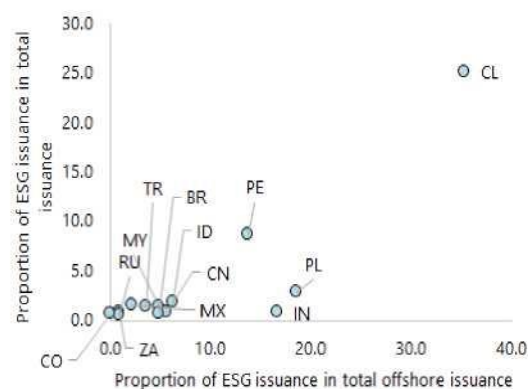
2016-18. Việc phát hành trái phiếu xanh cũng tăng mạnh lên mức ~20 tỷ USD trong 2021 - so với bình quân 11 tỷ USD trong năm năm qua. Trong khi việc tăng phát hành ESG là có triển vọng, việc tham gia trên diện rộng vẫn chưa được đẩy mạnh vì số các tổ chức phát hành vẫn còn thấp và tập trung trong một nhóm cụ thể ở hầu hết các thị trường.

Chile và Peru là những người dẫn đầu cách biệt trong thị trường mới nổi Trung Quốc. Chile đã phát hành các khoản nợ bền vững với giá trị gần 12% GDP của nước này (Hình 7), cao hơn đáng kể so với các nước tương đồng và tiếp theo là Peru và Mexico (ở mức ~2% GDP mỗi nước). Các phân tích cũng ghi nhận sự gia tăng đáng kể gần đây tại các thị trường mới nổi bao gồm Chile, Peru và Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 2021 chiếm hơn 50% tổng phát hành của các thị trường mới nổi. Nhìn từ góc độ bổ sung, Chile (và ở một mức nhỏ hơn là Peru) có một lượng đáng kể các công cụ ESG (là một phần trong toàn bộ các công cụ nợ mà nước này phát hành) ở cả các đợt phát hành trong và ngoài nước (Hình 8). Điều này đối lập với Ấn Độ và Ba Lan nơi các công cụ ESG thống trị từ bên ngoài nhưng tương đối ít trong tổng công cụ nợ phát hành. Điều này phản ánh vai trò của một nhóm các nhà đầu tư khác trong phân khúc này.

Hình 7. Phát hành nợ ESG hàng năm ở EMs, theo khu vực



Hình 8. Phát hành ESG như một cấu phần của tổng nợ phát hành—Cấp độ quốc gia



Sự khác biệt giữa các loại hình bền vững khác nhau

Trong khi tài trợ cho nhu cầu ESG thông qua các công cụ truyền thống tiếp tục là một giải pháp được lựa chọn, thì ESG với tư cách là một chiến lược độc lập đã trở thành xu hướng chủ đạo và cung cấp nhiều công cụ đa dạng. Thông thường, các công cụ tài chính nợ ESG được phân loại dựa trên việc sử dụng tiền thu được (còn được gọi là dựa trên hoạt động) và dựa trên chỉ số đo lường hiệu quả - KPI (còn được gọi là dựa trên hành vi). Theo trực giác, tên các công cụ dựa trên hoạt động sẽ giải thích việc sử dụng số tiền thu được, ví dụ, tiền thu được từ các khoản vay/trái phiếu xanh sẽ được sử dụng cho các dự án đóng góp tích cực cho môi trường, trong khi công cụ xã hội sẽ dành cho các mục đích xã hội như giáo dục, việc làm, v.v. Một nhược điểm chính của các công cụ dựa trên hoạt động là hạn chế tổ chức phát hành trong các lĩnh vực kinh tế có liên quan, như tiện ích, năng lượng hoặc chính phủ. Các công cụ dựa trên chiến lược hành vi (bao gồm các công cụ liên quan đến tính bền vững), xác định KPI và các mục tiêu liên quan đến tính bền vững. Do đó, một số lượng tổ chức phát hành lớn hơn có thể tài trợ cho nhu cầu chuyển đổi của họ.

Mặc dù có nhiều hướng dẫn hơn về các chiến lược này (Bảng 1), nhưng có rất nhiều nhà đầu tư lo ngại về phân loại tràn lan trong lĩnh vực ESG và yêu cầu tiêu chuẩn hóa cao hơn trong việc xác định các công cụ ESG (đã thảo luận vào tháng 10/2019 GFSR, IMF, 2020). Có một số tiến bộ ban đầu về vấn đề này giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Chẳng hạn, vào cuối năm 2020, Trung Quốc đã công bố kế hoạch đạt mức phát thải cao nhất trước năm 2030 và trung hòa carbon vào năm 2060. Sau đó, các cơ quan quản lý của quốc gia này đã tích cực nghiên cứu phân loại các công cụ tài chính ESG khác nhau, đặc biệt là thị trường trái phiếu xanh. Điều này bao gồm việc cập nhật “Danh mục các dự án trái phiếu xanh được bảo lãnh” giúp sắp xếp các phân loại dự án xanh gần hơn với các tiêu chuẩn

quốc tế và giới thiệu “trái phiếu trung hòa carbon”. Phạm vi chi tiết của công việc tiếp tục là mở rộng danh mục trong tương lai.

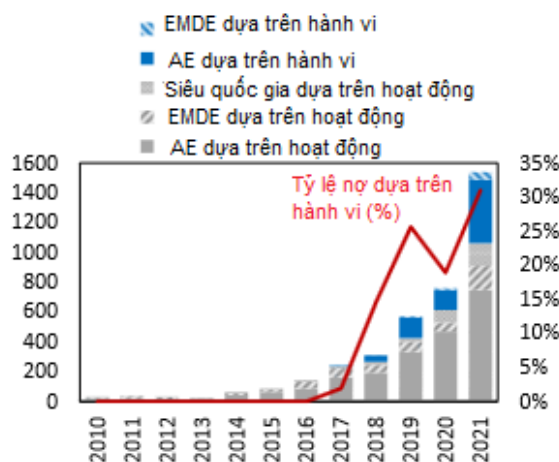
Bảng 1 – Các loại hình Thu nhập bền vững chủ yếu

Loại hình Nợ	Công cụ	Đặc điểm chính
Thu nhập cố định	Trái phiếu xanh	Trái phiếu được đánh giá là xanh, với số tiền thu được dùng cho tài trợ cho các dự án mới và hiện có với lợi ích môi trường.
	Quỹ tiền tệ xanh	Áp dụng các yếu tố ESG để đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ.
	Trái phiếu xã hội	Trái phiếu gây quỹ cho các dự án mới và hiện có tạo ra kết quả xã hội tích cực.
	Trái phiếu bền vững	Trái phiếu với số tiền thu được dùng cho tài trợ hoặc tái cấp vốn các dự án xanh và xã hội.
	Trái phiếu liên kết bền vững	Trái phiếu sử dụng số tiền thu được cho KPI, mục tiêu và đánh giá định kỳ liên quan đến ESG đã được xác định trước.
	Chứng khoán xanh có bảo đảm thế chấp	Chứng khoán hóa các khoản thế chấp để tài trợ cho các tài sản xanh.
Cho vay	Cho vay xanh	Khoản vay được dùng để tài trợ hoặc tái cấp vốn cho các dự án xanh, bao gồm các chi phí liên quan và hỗ trợ khác như R&D.
	Cho vay bền vững	Các công cụ cho vay và/hoặc các điều khoản bắt buộc như bảo lãnh hoặc thư tín dụng nhằm khuyến khích bên vay thực hiện các dự án xanh hoặc xã hội.

	Cho vay xã hội	Các công cụ cho vay được sử dụng để tài trợ cho các dự án xã hội đủ điều kiện.
	Cho vay liên kết bền vững	Các công cụ cho vay khuyến khích bên vay đạt được các mục tiêu hoạt động bền vững đã xác định trước.

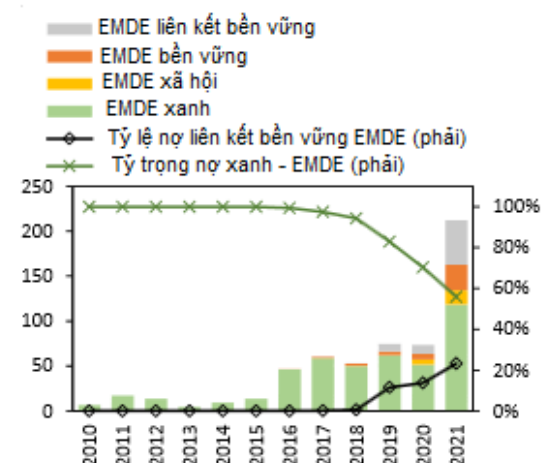
Nợ dựa trên hoạt động vẫn là trụ cột chính, nhưng nợ liên quan đến sự bền vững đang tăng nhanh (Hình 9). Trước đây, việc phát hành nợ ESG dựa trên hoạt động đã thống trị hoạt động tài chính ESG, tuy nhiên, hoạt động tài chính ESG dựa trên hành vi đang ngày càng thu hút. Chỉ xuất hiện từ năm 2017, việc phát hành nợ liên quan đến sự bền vững chiếm 1/4 của 1,5 nghìn tỷ USD giá trị phát hành nợ ESG vào năm 2021. Sự thay đổi này đang diễn ra giữa các thị trường phát triển và thị trường mới nổi, khi các nhà đầu tư trở nên ý thức hơn về việc “tẩy xanh” và các tổ chức phát hành sử dụng các công cụ dựa trên hành vi, tức là nợ liên quan đến tính bền vững, để tài trợ cho các nhu cầu chuyển đổi của họ.

Hình 9 - Phát hành hàng năm toàn cầu theo loại hình nợ bền vững (tỷ USD)



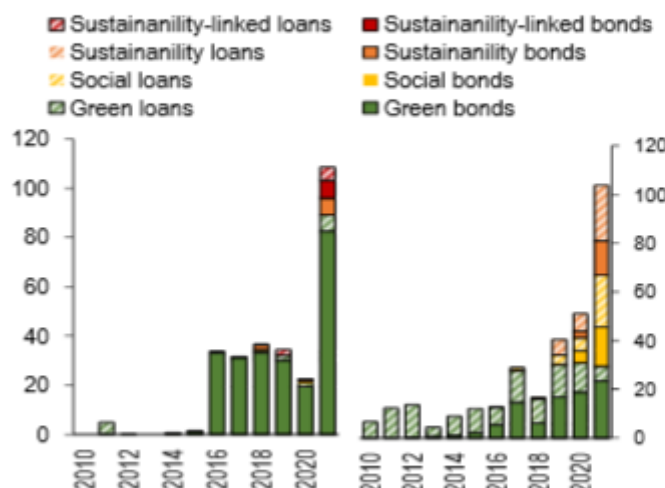
Nguồn: Bloomberg NEF, và tính toán của tác giả

Hình 10 - Cơ cấu phát hành nợ bền vững EMDE (tỷ USD, %)



Tập trung đặc biệt vào các thị trường mới nổi, trái phiếu xanh vẫn là phần cốt lõi của hệ sinh thái ESG tại các thị trường mới nổi, tuy nhiên, các công cụ “phi xanh” cũng đang nổi lên - phản ánh sự phát triển của một hệ sinh thái tài chính bền vững rộng lớn hơn (Hình 10). Vào năm 2021, các thị trường mới nổi đã huy động được 103 tỷ USD trái phiếu xanh, gần gấp 2,5 lần mức phát hành trung bình trong 5 năm qua. Một tỷ lệ đáng kể trong sự gia tăng phát hành này đến từ Trung Quốc (tăng gấp 3 lần vào năm 2021 so với mức trung bình trong 5 năm qua), đáp ứng khoảng 90% khoản tài trợ nợ ESG thông qua trái phiếu xanh (trong giai đoạn 2016–2021). Trái phiếu xanh chiếm khoảng 64% các đợt phát hành công cụ có thu nhập cố định ESG tại thị trường mới nổi kể từ năm 2016, với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 20% về khối lượng. Tuy nhiên, các phân khúc không phải trái phiếu xanh đang tăng mạnh về tỷ trọng và chiếm gần một nửa tổng lượng phát hành vào năm 2021, so với mức tăng chỉ gần 20% trong giai đoạn 2016–18.

**Hình 11. Phát hành nợ bền vững theo các loại hình:
Trung Quốc và EMDE ngoài Trung Quốc**
(tỷ USD)



Có sự tương tác mạnh mẽ giữa sự xuất hiện của các phân khúc trái phiếu “phi xanh” và các thị trường mới nổi ngoài Trung Quốc (Hình 11). Các phân khúc trái phiếu “phi xanh” đặc biệt quan trọng ở các thị trường mới nổi ngoài Trung Quốc (ví dụ: Chile, Ấn Độ, Mexico và Brazil), nơi các công cụ “phi xanh chiếm” ~80% lượng phát hành ESG (so với ~60% vào năm 2020). Tỷ lệ thâm nhập cao hơn được ghi nhận ở ba lĩnh vực: xã hội (16%), liên kết bền vững (13%) và trái phiếu bền vững (9%), theo đó, tổng cộng đã huy động được gần 40% vốn vay ESG của thị trường mới nổi ngoài Trung Quốc trong giai đoạn 2019–21 so với mức 4% trong giai đoạn 2016–18. Phân tích cũng chỉ ra rằng phần lớn các khoản nợ dựa trên hành vi được phát hành dưới hình thức cho vay ở các thị trường mới nổi, nơi trái phiếu dường như chiếm phần lớn.

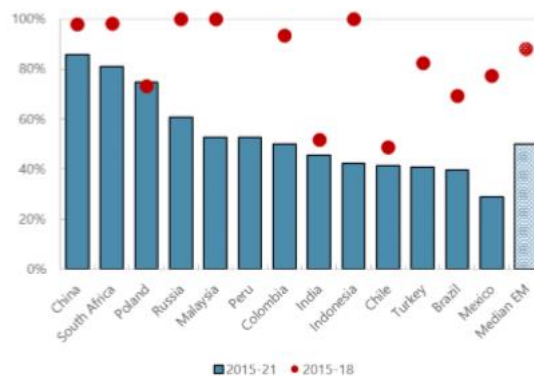
Sự đa dạng phong phú trong các thị trường mới nổi cũng được phản ánh thông qua cơ cấu sản phẩm mà trái phiếu xanh chiếm ưu thế ở Trung Quốc, Indonesia và Ba Lan; trái phiếu xã hội chiếm ưu thế ở Chile; trái phiếu bền vững chiếm ưu thế ở Malaysia và Peru và các khoản vay liên kết bền vững chiếm ưu thế ở Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Phân tích cũng chỉ ra rằng mặc dù các hệ sinh thái ESG cấp quốc gia vẫn có mức độ tập trung cao, nhưng đã có sự gia tăng đáng kể về chiều rộng trong các quốc gia (Hình 12 và 13). Chẳng hạn, đối với thị trường mới nổi trung bình, phân khúc lớn nhất chiếm gần 50% tổng số phát hành trong giai đoạn 2015–21. Con số này tương đương với gần 90% lượng phát hành đến từ một lĩnh vực duy nhất trong giai đoạn 2015–18. Mức độ tập trung phản ánh vai trò của các phương pháp tiếp cận mà quốc gia quy định, sự thâm nhập ngành của họ và mức độ phát triển thị trường.

Hình 12. Phát hành nợ ESG tích lũy ở các thị trường mới nổi, theo loại (Tỷ USD, %)



Nguồn: Bloomberg NEF; tính toán của tác giả

Hình 13. Tỷ trọng phát hành theo danh mục lớn nhất (%)



[Trở lại đầu trang](#)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 11 - 2022**1. Đề tài: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Chủ nhiệm: ThS. Lê Thị Lệ Thủy, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Lắk

Mã số: ĐTNH-CS.001/21

Thời gian nghiệm thu: 11/2022

Kết quả nghiệm thu: Khá

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Khái quát những vấn đề cơ bản về Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) và hiệu quả hoạt động của QTDND.
- Đánh giá thực trạng hoạt động, quản lý QTDND trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những mặt hoạt động còn hạn chế, chưa hiệu quả của QTDND trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động QTDND trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk định hướng đến năm 2030 và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nguyên cứu để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đề tài ĐTNH-CS.001/21 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu khái quát các vấn đề cơ bản về tổng quan về hệ thống QTDND; quản lý nhà nước đối với hệ thống QTDND và các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống QTDND. Nghiên cứu tại Chương 1 cho thấy xu hướng phát triển của các QTD tại các nước trên thế giới khá đa dạng, không có một khuôn mẫu chung cho mô hình QTDND. Tuy nhiên, để hoạt động hiệu quả thì các QTDND phải đáp ứng được các điều kiện: Được quản lý tốt; Tài chính

lành mạnh, các hoạt động huy động tiết kiệm và sử dụng tín dụng chủ động, tỷ lệ hoàn trả cao; Có tiềm năng tăng trưởng tốt; (iv) Có chính sách quản lý và tài chính phù hợp, bao gồm cả các mức lãi suất thực đối với tiết kiệm và cho vay; Có trách nhiệm quản lý trước thành viên; Có hiểu biết tốt về các nguyên tắc hoạt động của QTD và các dịch vụ QTD được các thành viên, người lãnh đạo và nhân viên sử dụng có trách nhiệm; Áp dụng và triển khai các kế hoạch thực tế cho việc tự đảm bảo tài chính.

Chương 2 nghiên cứu về thực trạng hoạt động QTDND và công tác quản lý QTDND trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Nghiên cứu tại Chương 2 cho thấy nhìn chung, các QTDND trên địa bàn đều có tổng tài sản và vốn điều lệ ngày càng tăng, đảm bảo khả năng tài chính cho hoạt động của QTDND; hoạt động với mục tiêu hỗ trợ các thành viên. 12/12 QTDND trên địa bàn đều hoạt động có hiệu quả, thu nhập lớn hơn chi phí, chất lượng tín dụng của các QTDND luôn đảm bảo. Các QTDND từ khi thành lập cho đến nay không ngừng được tăng cường, củng cố, chấn chỉnh hoạt động, tạo một kênh tín dụng thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn và dịch vụ ngân hàng cho các đối tượng khách hàng ở địa bàn nông nghiệp, nông thôn. Về quản lý, các văn bản pháp lý liên tục được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình hoạt động của các QTDND. Đến nay, các văn bản pháp lý dần ổn định và đã tạo lập một trật tự pháp luật cho các bên có liên quan thực thi.

Tại Chương 3, căn cứ định hướng phát triển hệ thống QTDND đến năm 2030 nêu ra tại Quyết định 209/QĐ-NHNN ngày 31/01/2019 của Thống đốc NHNN và các phân tích thực trạng nêu ra tại Chương 2, nhóm nghiên cứu đề xuất một số mục tiêu phát triển hệ thống QTDND trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 và đưa ra 2 nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các QTDND trên địa bàn, gồm: (i) Nhóm giải pháp về mở rộng quy mô hoạt động; (ii) Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước đối với hoạt động của QTDND trên địa bàn. Nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số kiến nghị với NHNN đối với quy định về Quỹ bảo

đảm an toàn hệ thống; kiến nghị với NHNN chi nhánh tỉnh Đắk Lắk trong công tác quản lý giám sát các QTDND trên địa bàn; kiến nghị với cấp ủy, chính quyền địa phương và bản thân các QTDND nhằm đảm bảo hoạt động của các quỹ được phát triển an toàn, lành mạnh, hiệu quả./.

Đưa ra khung lý luận về kiểm tra căng thẳng thanh khoản của quỹ đầu tư bao gồm khái niệm, phân loại quỹ đầu tư, thanh khoản và rủi ro thanh khoản của quỹ đầu tư, kiểm tra căng thẳng thanh khoản của quỹ đầu tư. Chương 1 cũng đưa ra ảnh hưởng căng thẳng thanh khoản quỹ đầu tư đến thị trường chứng khoán, các ngân hàng và đo lường tác động căng thẳng thanh khoản quỹ đầu tư đến thị trường chứng khoán.

Chương 2, nhóm nghiên cứu hướng đã đưa ra phương pháp nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu và tổng hợp kết quả nghiên cứu đối với việc kiểm tra căng thẳng thanh khoản các quỹ đầu tư tại Việt Nam. Đồng thời, nhóm đã nghiên cứu định lượng ảnh hưởng căng thẳng thanh khoản của quỹ đầu tư đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó, có thể thấy một trong những nhân tố quan trọng trong đánh giá căng thẳng thanh khoản của quỹ đầu tư đó là khả năng hấp thụ các cú sốc thanh khoản của mỗi quỹ đầu tư. Nếu cú sốc thanh khoản có quy mô tương đối đáng kể, song quỹ đầu tư dự toán được và có kế hoạch ứng phó kịp thời thông qua chiến lược phân bổ tài chính và quản lý danh mục đầu tư thanh khoản, thì cú sốc thanh khoản của quỹ đầu tư không gây thiệt hại và ảnh hưởng nặng nề đến thị trường chứng khoán cũng như các chủ thể tham gia thị trường.

Chương 3 tập trung đưa ra các giải pháp tăng cường kiểm tra căng thẳng thanh khoản đối với các quỹ đầu tư tại Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã đề xuất xây dựng khung hướng dẫn cho Việt Nam bao gồm 14 nội dung như: Thiết kế của các mô hình kiểm tra căng thẳng thanh khoản, tìm hiểu rủi ro thanh khoản, các nguyên tắc quản trị đối với kiểm tra căng thẳng thanh khoản,... Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng đã đề xuất và kiến nghị một số giải pháp nhằm xây dựng quy trình và thước đo đánh giá căng thẳng thanh khoản đối với hệ thống quỹ đầu tư tại Việt

Nam, giúp tăng cường theo dõi, kiểm tra nguy cơ xảy ra căng thẳng thanh khoản, khả năng chống chịu trước các cú sốc thanh khoản, từ đó giảm thiểu tối đa nguy cơ tác động tiêu cực từ các cú sốc thanh khoản quỹ đầu tư cũng như từ năng lực ứng phó của quỹ đầu tư tới thị trường chung.

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 11- 2022**1. Hội thảo khoa học “Hoàn thiện khung pháp lý kiểm soát và kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo an toàn tại các Quỹ tín dụng nhân dân”.**

Thời gian tổ chức: 04/11/2022

Đơn vị thực hiện: Học viện Ngân hàng

Nội dung hội thảo:

Ngày 04/11/2022, tại Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức Hội thảo khoa học “Hoàn thiện khung pháp lý kiểm soát và kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo an toàn tại các Quỹ tín dụng nhân dân” dưới sự chủ trì của Phó Thống đốc Thường trực NHNN Đào Minh Tú. Hội thảo có sự tham dự của đại diện Lãnh đạo các đơn vị thuộc NHNN, Học viện Ngân hàng, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND); Lãnh đạo một số QTDND, các dự án nước ngoài đang hỗ trợ hệ thống QTDND...

Thông qua Hội thảo, những người trực tiếp điều hành QTDND và các chuyên gia trong lĩnh vực này đã mang tới nhiều góc nhìn đa chiều; từ việc trao đổi kinh nghiệm của những QTDND có quy mô hoạt động ngày càng phát triển bền vững và những QTDND đang gặp khó khăn trong quá trình hoạt động, đến những nhìn nhận đánh giá từ phía các cơ quan quản lý, từ góc độ của Ngân hàng Hợp tác xã, Bảo hiểm tiền gửi, các nhà khoa học và các chuyên gia trong, ngoài nước. Qua đó, Hội thảo cung cấp cái nhìn đầy đủ hơn về thực trạng hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ của các QTDND, đưa ra được những giải pháp phù hợp cho việc chỉnh sửa, hoàn thiện khung pháp lý về kiểm soát và kiểm toán nội bộ của các QTDND, góp phần thiết thực vào quá trình tái cơ cấu QTDND.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Trần Đăng Phi - Phó Chánh Thanh tra - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, nhận định, từ khi được thành lập và đi vào hoạt động năm 1993, các QTDND đã không ngừng lớn mạnh về quy mô và có

những đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đến tháng 30/9/2022, trên cả nước có 1.179 QTDND, với quy mô tổng tài sản hơn 166,7 nghìn tỷ đồng, chiếm hơn 1% tổng tài sản hệ thống TCTD. Hoạt động của QTDND đã góp phần nâng cao đời sống của thành viên và đặc biệt đóng góp ngày càng quan trọng cho công cuộc xóa đói, giảm nghèo tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, vẫn xuất hiện tình trạng một số QTDND vi phạm quy định pháp luật, hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro gây ảnh hưởng tới quyền lợi của người gửi tiền cũng như đời sống xã hội tại địa phương. Để nâng cao chất lượng, an toàn tổ chức và hoạt động của hệ thống QTDND, NHNN đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách và có những biện pháp chấn chỉnh hoạt động, tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với các QTDND, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của việc kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

Chia sẻ tại Hội thảo, ông Nguyễn Quốc Cường – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Hợp tác xã, Chủ tịch Hiệp hội QTDND cho rằng, để một tổ chức phát triển một cách bền vững thì cần thiết phải bao hàm 3 yếu tố: có nguồn tài chính thông suốt, nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản trị điều hành, kiểm soát đầu vào hiệu quả. Thực chất hệ thống kiểm soát nội bộ là vấn đề hết sức quan trọng của công tác quản trị, điều hành. Thực tế, thời gian qua, các quy trình nghiệp vụ của QTDND được xây dựng ngày càng hoàn thiện. Trong đó, quy trình về kiểm soát, kiểm toán nội bộ đã được các QTDND xây dựng và thực hiện theo đúng hướng dẫn của NHNN trên cơ sở Thông tư số 44/2011/TT-NHNN, ngày 29/12/2011 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 44). Có thể thấy, các QTDND đã chú trọng đến việc bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ và các cán bộ làm công việc này đã được cử đi đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên. Tuy nhiên, trước thực trạng vẫn còn một số QTDND chưa bám sát mục tiêu hoạt động, có biểu hiện chạy theo lợi nhuận, các quy chuẩn về kiểm soát,

kiểm toán nội bộ chưa được coi trọng; quy chế, quy trình thủ tục và quan điểm lãnh đạo của QTDND về tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ vẫn còn khác nhau giữa các QTDND; hoặc có QTDND chưa bóc tách được các mảng nghiệp vụ này. Các cán bộ làm công tác chuyên môn kiểm soát, kiểm toán nội bộ thực hiện đồng thời ở nhiều vị trí... Để hệ thống QTDND ngày càng phát triển ổn định và bền vững, ông Cường cho rằng, rất cần thiết phải thiết lập một hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ hiệu quả, nhằm quản lý kiểm soát về rủi ro, nâng cao giá trị đạo đức nghề nghiệp và an toàn hoạt động của QTDND. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng trong quá trình tái cơ cấu hệ thống QTDND.

Trao đổi tại Hội thảo về những khó khăn trong việc thực hiện quy định về kiểm soát và kiểm toán nội bộ đối với các QTDND trên địa bàn, ông Trịnh Công Văn - Giám đốc NHNN Chi nhánh tỉnh Sơn La cho biết, việc bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện đáp ứng đầy đủ các mục tiêu, yêu cầu, đặt ra đối với hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ theo quy định là rất khó khăn. Do quy mô hoạt động, năng lực tài chính, nhân sự của các Quỹ còn rất nhiều hạn chế so với các NHTM. Bên cạnh đó, công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên cho nhân sự làm công tác này ở các Quỹ còn rất ít, phương tiện phục vụ nhân viên làm kiểm soát và kiểm toán nội bộ cũng không có nhiều. Ngoài ra, việc xây dựng các chính sách, quy chế nội bộ của Quỹ chưa đảm bảo đầy đủ, chưa cụ thể hóa các quy trình, mà đây là những công cụ để cán bộ làm kiểm soát, kiểm toán chiếu vào để đánh giá, phát hiện những vi phạm, trách nhiệm để từ đó đưa ra các kiến nghị, cảnh báo.

Tại Hội thảo, các chuyên gia cũng chia sẻ về một số nội dung khác có liên quan như: Hướng chỉnh sửa quy định về hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ QTDND; Khoảng cách giữa quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ QTDND và thông lệ quốc tế - Một số đề xuất dưới góc độ nghiên cứu lý thuyết; Thực trạng về hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ ảnh hưởng đến hoạt động an toàn, hiệu

quả của QTDND và đề xuất giải pháp; chia sẻ của ông Claude Lanfond – Giám đốc Dự án STEP và bà Trần Minh Huyền – Chuyên gia tài chính ngân hàng Dự án STEP về mô hình của Tập đoàn Desjardins – Canada và bài học cho các QTDND Việt Nam về hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

Phát biểu kết luận Hội thảo, Phó Thống đốc Thường trực Đào Minh Tú cho rằng, công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ đối với các QTDND có vai trò và vị trí quan trọng. Thời gian qua, để đảm bảo an toàn hoạt động QTDND, NHNN đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, cùng với chính quyền địa phương quản lý về nhân sự, con người, tổ chức hoạt động của các QTDND. Tuy nhiên, công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ của các QTDND còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Vì vậy, ngay lúc này rất cần chấn chỉnh và nâng cao vai trò công tác này từ trong nội tại của các QTDND để hạn chế rủi ro, ngăn chặn được các tiêu cực, đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật. Hiện nay, các QTDND đều có bộ phận kiểm soát tuy nhiên hoạt động chưa hiệu quả. Nhiều nơi cán bộ Quỹ đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhưng năng lực còn yếu, hạn chế, không có nhiều cơ hội đào tạo. Phó Thống đốc cho rằng, việc quan trọng lúc này là làm sao để phát huy được vai trò của thành viên trong việc giám sát hoạt động của QTDND, phải xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động của Quỹ đáp ứng mô hình hiện tại. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan ban hành chính sách cần nhận thức rõ vai trò, vị trí của bộ phận kiểm toán, kiểm soát nội bộ của QTDND, thiết kế lại bộ phận này để đảm bảo yêu cầu đối với từng Quỹ. Bên cạnh đó, nghiên cứu cơ chế tổ chức, vận hành, xác định rõ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận này.

Mặt khác, Phó Thống đốc cho rằng cần sớm sửa Thông tư 44, cần thiết có thể xây dựng một thông tư riêng để hệ thống QTDND hoạt động hiệu quả và minh bạch hơn. Phó Thống đốc cũng đề nghị các cơ quan liên quan tăng cường công tác phối hợp, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Đồng thời, tăng cường thêm sự đánh giá hiệu quả

của công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ trong thời gian tới, nhằm xác định thêm, nhìn nhận đầy đủ hơn về bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ ở Quỹ. Ngoài ra, nâng cao hơn nữa việc sử dụng bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại chỗ không chỉ giúp Ban Lãnh đạo Quỹ điều hành đúng đắn, mà qua đó Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có thêm thông tin, tăng cường điều kiện giám sát hoạt động của các QTDND. Phó Thống đốc cũng nhấn mạnh yêu cầu nghiên cứu cơ chế, hệ thống bộ máy kiểm soát, kiểm toán nội bộ của hệ thống các QTDND, là một trong những công cụ để giám sát hoạt động của các Quỹ ngày càng hiệu quả.

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Tọa đàm “Phát triển thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam”.

Thời gian tổ chức: 29/11/2022

Đơn vị thực hiện: Công ty Quản lý tài sản các TCTD Việt Nam (VAMC)

Nội dung hội thảo:

Ngày 29/11/2022, tại Hà Nội, Công ty Quản lý tài sản (VAMC), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức tọa đàm “Phát triển thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam” trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường phát triển và lành mạnh khu vực ngân hàng Việt Nam” do Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) viện trợ ủy thác qua Ngân hàng Thế giới (WB). Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh tham dự và chủ trì tọa đàm. Tọa đàm còn có sự tham dự của đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc NHNN, Bộ Tài chính, Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam (DATC); đại diện WB, SECO, Tổng Công ty Quản lý tài sản Hàn Quốc (KAMCO), các NHTM và các công ty quản lý nợ của các ngân hàng, các trường đại học; các chuyên gia trong và ngoài nước...

Phát biểu khai mạc tọa đàm, ông Nguyễn Tiến Đông – Chủ tịch Hội đồng Thành viên VAMC chia sẻ, nhận thức được tầm quan trọng của thị trường mua

bán nợ, những năm gần đây, Quốc hội, Chính phủ, NHNN đã ban hành nhiều chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý nợ xấu cũng như thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua bán nợ. Tuy nhiên, quy mô của thị trường mua bán nợ Việt Nam so với một số nước trong khu vực như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia... vẫn còn khiêm tốn, quá trình hoạt động đã bộc lộ không ít tồn tại, thách thức về khuôn khổ pháp lý cũng như công tác quản lý, giám sát và vận hành thị trường mua bán nợ; các đối tượng tham gia thị trường mua bán nợ còn ít; hàng hóa giao dịch trên thị trường mua bán nợ chưa đa dạng và mới chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong số các khoản nợ xấu cần xử lý. Ông Đông cho biết, với mục tiêu phát triển thị trường mua bán nợ để hỗ trợ cho hoạt động xử lý nợ xấu, đồng thời huy động rộng rãi các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia xử lý nợ xấu cho nền kinh tế, tọa đàm nhằm chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về phát triển thị trường mua bán nợ xấu, thảo luận các báo cáo về khuôn khổ pháp lý, báo cáo về thành lập và vận hành sàn giao dịch nợ, thực tế triển khai xử lý nợ xấu tại các quốc gia có thị trường mua bán nợ phát triển cũng như đề xuất định hướng giải pháp phát triển thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam.

Phát biểu chỉ đạo tọa đàm, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh cho biết, thị trường mua bán nợ nói chung, thị trường mua bán nợ xấu nói riêng được định nghĩa là nơi diễn ra những hoạt động trao đổi, mua bán các khoản nợ hay “quyền thu hồi nợ” trên thị trường của các chủ thể trong nền kinh tế để tránh rủi ro về mặt tài chính và tăng tính thanh khoản cho các doanh nghiệp cũng như các tổ chức tín dụng. Chính vì vậy, sự ra đời và phát triển của thị trường mua bán nợ đã, đang và sẽ đóng góp vô cùng quan trọng trong sự phát triển của thị trường tài chính nói chung, và sự ổn định, an toàn tài chính của hệ thống tổ chức tín dụng và hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam. Nhận thức rõ tầm quan trọng của thị trường mua bán nợ, Đảng và Nhà nước cũng dành nhiều sự quan tâm đến việc xây dựng khung pháp lý cho hoạt động mua bán nợ hướng tới hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam. Một trong những cột mốc quan trọng

tạo tiền đề cho sự phát triển của thị trường mua bán nợ nói chung và nợ xấu nói riêng đó là sự ra đời và chính thức đi vào hoạt động của Sàn giao dịch nợ VAMC vào ngày 15/10/2021. Nhờ đó, hoạt động của thị trường mua bán nợ tại Việt Nam bước đầu đã có chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình xử lý thu hồi nợ của ngành Ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Phó Thống đốc nhận định, trên thực tế, thị trường mua bán nợ Việt Nam về cơ bản vẫn còn khá sơ khai, còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết, đó là: Khung pháp lý cho hoạt động thị trường mua bán nợ chưa thống nhất, bất cập, thiếu và yếu; Thị trường chưa thu hút được đa dạng chủ thể tham gia, dẫn đến số lượng chủ thể còn ít; Hàng hóa trên thị trường mua bán nợ chưa đa dạng; Quy mô thị trường mua bán nợ còn khiêm tốn so với các quốc gia trong khu vực; Kỹ thuật, phương pháp định giá khoản nợ còn thiếu tính thị trường; Hạ tầng công nghệ thông tin còn nhiều bất cập, chưa có sự kết nối thông tin chặt chẽ giữa các chủ thể tham gia thị trường... Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định 986/QĐ-TTg ngày 18/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ mục tiêu đưa “Nợ xấu của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng dưới 3% vào năm 2025”. Để đạt được mục tiêu này, Phó Thống đốc NHNN cho rằng cần có quyết tâm với tinh thần trách nhiệm cao, áp dụng nhiều hình thức và biện pháp hiệu quả.

Phó Thống đốc Nguyễn Kim Anh cũng ghi nhận và đánh giá cao kết quả hoạt động của các thành viên tham gia thị trường mua bán nợ trong những năm qua, thể hiện sự quyết tâm, tinh thần nỗ lực, sẵn sàng hợp tác tương trợ giữa các thành viên tham gia thị trường nhằm chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả trong công tác mua bán xử lý nợ; tiến tới thúc đẩy sự phát triển thị trường mua bán nợ và mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức mua bán nợ ở các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế thế giới giai đoạn tới được dự báo diễn biến khó lường, tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 và những bất ổn về chính trị và xung đột vũ trang ở một số khu vực trên thế giới đã ảnh hưởng đến tình

hình tài chính của nhiều doanh nghiệp, làm suy giảm khả năng trả nợ của khách hàng vay, dẫn tới nợ xấu của các tổ chức tín dụng có nguy cơ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Do đó, việc thúc đẩy sự phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam sẽ hỗ trợ rất lớn cho hoạt động xử lý nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng. Phó Thống đốc nhấn mạnh, NHNN và ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục dành sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị hoạt động hiệu quả, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ, sứ mệnh được giao, từng bước tiến tới xây dựng thị trường mua bán nợ tập trung trong tương lai.

Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh tin tưởng rằng trong thời gian tới, trên tinh thần hợp tác tích cực giữa các bên, WB sẽ tiếp tục hỗ trợ NHNN và các đơn vị liên quan trong việc hoàn thành các nội dung hoạt động tiếp theo, góp phần đáp ứng mục tiêu phát triển ngành Ngân hàng cũng như thúc đẩy quá trình xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng Việt Nam. Đồng thời, Phó Thống đốc đề nghị VAMC tổng hợp các ý kiến tại tọa đàm, hoàn thiện báo cáo kiến nghị gửi Ban lãnh đạo NHNN. Tọa đàm tập trung thảo luận các vấn đề trọng tâm như: Đánh giá toàn diện về hành lang pháp lý cho hình thành, phát triển thị trường mua bán nợ nói chung, mua bán nợ xấu nói riêng tại Việt Nam, trong đó chỉ rõ những rào cản, những bất cập dưới góc độ khung pháp lý cần tháo gỡ cho sự phát triển của thị trường; Thực trạng và các giải pháp để đa dạng hóa các chủ thể tham gia, các hàng hóa trên thị trường, đề xuất các phương pháp định giá các khoản nợ/nợ xấu mang tính thị trường; Vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, vận hành sàn giao dịch nợ/nợ xấu, cơ chế thu thập, chia sẻ, kết nối thông tin giữa các chủ thể trên thị trường mua bán nợ; Đánh giá chính xác, thẳng thắn, toàn diện kết quả cũng như những hạn chế trong hoạt động của Sàn giao dịch nợ VAMC sau 01 năm hoạt động, Định hướng về mô hình tổ chức, hoạt động của Sàn giao dịch nợ VAMC đến năm 2025, định hướng 2030; Trên cơ sở những thách thức và cơ hội để đưa ra khuyến nghị chính sách chuyên sâu từ các chuyên gia trong nước và quốc tế cho sự phát triển của thị trường mua bán nợ trong thời gian tới. Trên

cơ sở đó, tại tọa đàm, các chuyên gia trong và ngoài nước đã chia sẻ nhiều nội dung xoay quanh hành lang pháp lý cho thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam; rào cản gia nhập thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam từ góc nhìn của nhà đầu tư tư nhân; kinh nghiệm chứng khoán hóa khoản nợ tại Hàn Quốc; phát triển thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam; kinh nghiệm quốc tế về vận hành nền tảng giao dịch chợ điện tử... Bên cạnh đó, tọa đàm chuyên đề “Thách thức đối với sự phát triển thị trường mua bán nợ xấu tại Việt Nam và đề xuất giải pháp” cũng được diễn ra trong khuôn khổ chương trình, là cơ hội để các nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học và người làm thực tế trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng học hỏi, trao đổi kiến thức.

Những tham luận, phát biểu trình bày tại hội thảo sẽ là kinh nghiệm quý đối với cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động xử lý nợ xấu và định hình cho việc sự phát triển thị trường mua bán nợ Việt Nam.

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 11-2022**1. Sự Giàu Và Nghèo Của Các Dân Tộc**

Nguồn: NXB Trí thức

Tác giả: David S Landes

Giới thiệu ấn phẩm:

“Sự giàu và nghèo của các dân tộc” của sử gia David Landes (1924-2013) là tác phẩm kinh điển đã tuyệt bản tại thị trường Việt Nam.

Trên thế giới có khoảng 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, chỉ có khoảng chưa đến 20% là các quốc gia phát triển. Theo báo cáo của Oxfam (2018), 26 người giàu nhất thế giới sở hữu khối tài sản bằng với tài sản của 3,8 tỷ người thuộc nhóm nghèo nhất. Người giàu ngày càng giàu lên, trong khi người nghèo lại càng nghèo thêm. Vậy tại sao khoảng cách giàu nghèo lại lớn như vậy? Đây chính là câu hỏi mà David Landes tìm cách giải đáp trong cuốn sách này.

Lời bình

“David S. Landes đã viết nên một công trình khảo sát bậc thầy về những thành công lớn và thất bại lớn trong các nền kinh tế ghi vào lịch sử của thế giới. Bất kỳ ai nghĩ rằng thành công kinh tế của một xã hội tách biệt với những đòi hỏi về đạo đức và văn hóa của xã hội ấy hẳn nhiên sẽ phải suy nghĩ lại.” – Robert Solow (Nhà kinh tế Mỹ đoạt giải Nobel)

“Công trình nghiên cứu lịch sử mới của David S. Landes về sự xuất hiện cách phân phối hiện hành giàu và nghèo khổ giữa các quốc gia trên thế giới là một bức tranh có tầm bao quát cực kỳ rộng lớn và sáng suốt khác thường. Ý thức về sự bất ngờ của lịch sử không làm giảm giá trị của sự nổi lên những chủ đề lặp đi lặp lại trong những cuộc đụng đầu đã dẫn đến vai trò lãnh đạo kinh tế của châu Âu. Sức mạnh giàu có, phong phú đến khó có thể tin được của việc học tập đã được thể hiện bằng một văn phong sáng sủa và mạnh mẽ, cuốn hút không cưỡng được” – Kenneth Arrow (Nhà kinh tế Mỹ đoạt giải Nobel)

“Bạn thậm chí không thể bắt đầu nghĩ về các vấn đề phát triển và hội tụ kinh tế mà không biết câu chuyện mà Landes kể... Tôi biết không có nơi nào tốt hơn để bắt đầu nghĩ về sự giàu có và nghèo đói của các quốc gia.” – J. Bradford DeLong (Washington Post)

Cuốn sách này dành cho ai?

Sự giàu và nghèo của các dân tộc là một công trình đồ sộ từ các cuộc hội thảo chuyên đề, đối thoại cá nhân, tham vấn... của tác giả David S. Landes.

Cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích về lĩnh vực khoa học xã hội nếu bạn quan tâm đến:

- Những thành công lớn và thất bại lớn trong các nền kinh tế của thế giới.
- Các phân tích về chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, tránh sự cực đoan thiên lệch.
- Nền tảng cho quá trình thực hiện Cách mạng Công nghiệp ở các quốc gia.

Về tác giả

David S. Landes một trong những sử gia kinh tế xuất sắc thời hậu chiến của Mỹ. Ông từng tốt nghiệp trường City College thuộc New York và Đại học Harvard và là Giáo sư danh dự môn Lịch sử và Kinh tế học tại Đại học Harvard, ông cũng từng giảng dạy ở nhiều đại học hàng đầu ở Mỹ và châu Âu.

Bằng cách kết hợp kinh tế học và lịch sử, ông đã giải đáp được rất nhiều nan đề của cả hai lĩnh vực. Các công trình của ông bao gồm:

- Bankers and Pashas nói về lòng tham của các nhà đầu tư châu Âu và sự tiếp xúc với nền tài chính quốc tế của các nhà cầm quyền Ai Cập trong giai đoạn giữa thế kỷ XIX;
- The Unbound Prometheus nghiên cứu về sự phát triển công nghiệp ở Tây từ năm 1750;
- Revolution in Time thể hiện góc nhìn sắc sảo của ông về những cách thức khác nhau mà các tập tục văn hóa, thói quen xã hội kết hợp với năng lực công

nghệ để định hình sự phát triển kinh tế – xã hội.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Tiền Đầu Với Vàng - Đồng Đô-La, Tiêu Chuẩn Vàng, Chứng Khoán Hóa Và Câu Chuyện Kỳ Lạ Về Hệ Thống Tài Chính Thế Giới.

Nguồn: NXB Tài Chính

Tác giả: James Rickards

Giới thiệu ấn phẩm:

Tiền Đầu Với Vàng - Đồng Đô-La, Tiêu Chuẩn Vàng, Chứng Khoán Hóa Và Câu Chuyện Kỳ Lạ Về Hệ Thống Tài Chính Thế Giới

Bạn đã bao giờ đặt câu hỏi, liệu hệ thống tài chính thế giới hoạt động ra sao và nó sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chính chúng ta như thế nào?

Giảm phát và lạm phát, thâm hụt ngân sách và thực tế về vàng, những giao dịch ngầm và các chính sách tài chính, viễn cảnh sụp đổ của thị trường và các nền kinh tế hàng đầu thế giới như Mỹ, Nga, Trung Quốc... Toàn bộ hệ thống này đã hoạt động và sụp đổ kỳ lạ ra sao, đã chi phối và bị chi phối như thế nào?

Với tư cách là một nhà hoạch định, bạn có thể vươn tầm nhìn của mình xa đến đâu?

Là một người hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bạn có thể nắm bắt điều gì?

Là một người dân bình thường, bạn có thể thấy tác động của hệ thống tài chính thế giới đến đời sống của mình hay không?

Có lẽ những gì bạn hiểu sẽ chưa thật sự mang đến cái nhìn toàn cảnh và chưa hẳn như những gì bạn tưởng tượng.

James Rickards, với kinh nghiệm 35 lăn lộn tại Wall Street, làm cố vấn kinh tế quốc tế và các mối đe dọa về tài chính của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, Cộng đồng Tình báo Hoa Kỳ và rất nhiều các tổ chức khác đã cung cấp một kho thông tin về

các ngân hàng trung ương, ngân hàng quốc tế, tiền thực sự là gì, IMF, lịch sử tài chính, các kịch bản có thể xảy ra trong tương lai của đồng tiền,... Những mảng tôi và sự thay đổi trong các nền kinh tế lần lượt xuất hiện trong các dẫn chứng và lời phân tích vô cùng sâu sắc và lôi cuốn của ông. Nhưng không chỉ có thế, cuốn sách của James Rickards còn mang đến cho chúng ta những cái nhìn chân thực, những tri thức bất đầy bất ngờ về nền kinh tế toàn cầu và tác động của chúng lên mỗi cá nhân ra sao.

Và nếu đã cầm cuốn sách lên, bạn sẽ thấy: Câu chuyện về hệ thống tài chính thế giới chưa bao giờ kì lạ, hấp dẫn và lôi cuốn đến thế!.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)